TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:15/2026/HS- ST
Ngày 18 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khuê - Chức vụ: Giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên Hà Trung

Bà Nguyễn Thị Liên - Chức vụ: Chủ tich Hội liên hiệp phụ nữ xã Hoạt Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST- HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST- HS ngày 03/3/2026 đối với bị cáo:

1. TRẦN VĂN N, sinh ngày 10/10/2008, tại tỉnh Thanh Hoá; CCCD số: 038208031349; Cư trú tại: thôn E, xã H, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T; Con bà: Nguyễn Thị H; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 11/01/2024, N bị UBND huyện N xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh trật tự, an toàn xã hội về hành vi "Tàng trữ trái phép pháo nổ". Hình thức: Cảnh cáo; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 chuyển tam giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Văn N: Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ bị cáo), sinh năm 1982; Cư trú tại: Thôn E, xã H, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N: Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Địa chỉ: Số C Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. M, sinh ngày 12/3/2007, tại tỉnh Thanh Hoá; CCCD số: 038207016593; Cư trú tại: thôn B, xã T, Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: M; Con bà: Lê Thị T1; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 19/3/2025, bị TAND quận Đống Đa, TP . Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự (BLHS). Ngày 05/10/2025 chấp hành xong án phạt tù; Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Quang A đủ 16 tuổi dưới 18 tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật tư pháp người chưa thành niên, được coi là không có án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2025, đến ngày 17/12/2025 chuyển tam giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

Bị hại: Ông Lê Đức T2, sinh năm 1963; Cư trú tại: TDP B P, phường Q, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Quang A và Trần Văn N là bạn bè quen biết, chơi với nhau từ trước.

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Văn N nảy sinh ý định tìm sự sơ hở của người dân để cướp tài sản. N rủ Mai Quang A đi cướp tài sản, Quang A đồng ý. Chiều 07/12/2025, Quang A và N ra chợ B nhưng N đứng ngoài đợi còn Quang A vào chợ mua 01 con dao phay trị giá 60.000 đồng. Sau khi mua được dao, sợ bị phát hiện nên Quang A giấu dao vào balo đựng quần áo của N rồi cả hai về quán internet chơi tiếp, đợi khi trời tối mới đi cướp tài sản. Khoảng 19 giờ 07/12/2025, N và Quang A đi bộ đến vỉa hè ngã tư B. Tại đây, N và Quang A thuê ông Lê Đức T2 (là xe ôm) chở từ ngã tư B đến cầu H với tiền công 50.000đ. Khi đến cầu H, N yêu cầu ông T2 chở thêm một đoạn theo dọc đường bờ đê sông T thuộc tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa. Đi được khoảng 200m đến đoạn đường vắng, không có nhà dân thì dừng lại. Lúc này, N nói không mang theo tiền nên thanh toán bằng chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng để thu hút sự chú ý của ông T2. Thấy ông T2 không để ý và xung quanh không có người qua lại, N vỗ vào đùi Quang A để ra ám hiệu. Thấy vậy, Quang A lấy con dao từ trong ba lô Nguyên đang đeo trên lưng ra và kề vào cổ ông T2 đồng thời quát "xuống xe". Ông T2 nói "chú già rồi tha cho chú, các cháu lấy xe cũng được" Quang A nói tiếp "đi lùi ra đằng kia". Thấy ông T2 hoảng sợ, bỏ lại chiếc xe kèm theo chìa khoá, N liền lên xe nổ máy chở Quang A nhanh chóng tẩu thoát về hướng huyện N cũ. Sau đó cả hai di chuyển ra tỉnh Ninh Bình tìm người dân sơ hở để tiếp tục Cướp tài sản nhưng không được nên quay về cây xăng T3 thuộc xã N, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, Quang A để N ở lại rồi điều khiển xe mô tô vừa cướp được đi B. Khi đến ngã tư đường L thuộc tỉnh lộ

Nga Sơn - B do chiếc xe hết xăng nên Quang A vứt xe lại vệ đường đi bộ về nhà. Còn N, sau khi xuống xe tại cây xăng T đã lấy con dao trong ba lô vứt bỏ vào vườn cây giữa số nhà A và 189 QL10, thôn Y, xã N, tỉnh Thanh Hóa rồi tìm chỗ ngủ ngoài đường mà không về nhà.

Ngày 08/12/2025, tại Cơ quan Công an, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã bị phát hiện, biết không thể trốn tránh được nên Mai Quang A và Trần Văn N xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng, tài sản thu giữ, tạm giữ và xử lý:

- Thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen - xám, BKS 36G1- 048.75; SM: JC52E5074386, SK: RLHJC5220CY641467 tại lề đường thuộc ngã tư đường L thuộc tỉnh lộ Nga Sơn - B do Mai Quang A vứt bỏ lại.

- Thu giữ 01 con dao có đặc điểm: dạng dao chặt (dao phay), lưỡi sắc, không có mũi nhọn. Phần lưỡi dao to bản, chỗ rộng nhất 07 cm, dài 28 cm, bề mặt dao màu đen, phần lưỡi màu trắng. Phần cán cầm bằng gỗ tròn màu vàng, dài 12cm tại vườn cây giữa số nhà A và 189 QL10, thôn Y, xã N, tỉnh Thanh Hóa do Trần Văn N vứt bỏ lại.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của N và Quang A không thu giữ đồ vật. tài liệu gì.

Cơ quan CSĐT tiến hành định giá và giám định theo quy định.

Ngày 31/12/2025, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - UBND phường B, tỉnh Thanh Hoá ban hành Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS, kết luận: Chiếc xe Honda Wave RSX màu đỏ - đen - xám, BKS 36G1 - 048.75 tại thời điểm bị cướp có trị giá 5.000.000đ.

Ngày 12/01/2026, phòng K1 - Công an tỉnh T ban hành Bản kết luận giám định số 424/KL-KTHS, kết luận: 01 vật dài 40cm gửi giám định là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36G1-048.75, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị hại ông Lê Đức T2 nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã trả lại cho bị hại là phù hợp.

Đối với 01 dao chuyển nhập kho Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 chờ xử lý theo quy định pháp luật;

*** Về bồi thường dân sự**: Bị hại Lê Đức T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

* Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSKV6 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của VKSND khu vực 6- Thanh Hoá truy tố các bị cáo Trần Văn N, Mai Quang A về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS;

Đại diện VKSND khu vực 6- Thanh Hoá luận tội đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 12,17, 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98 BLHS, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, tuyên phạt bị cáo Trần Văn N từ 51 đến 54 tháng tù;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS, tuyên phạt bị cáo Mai Quang A từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù;

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Văn N là người dưới 18 tuổi, Mai Q không có công ăn việc làm ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Đức T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét.

- Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị tịch thu tiêu huỷ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2026 giữa Cơ quan Công an và Phòng thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá.

* Án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị buộc các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật:

* Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) Lê Thị P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Trần Văn N trình bày quan điểm bào chữa: TGVPL đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng mà đại diện VKS luận tội đối với bị cáo N.

- Xét về hoàn cảnh bị cáo: Bị cáo chưa đủ 18 tuổi, suy nghĩ còn bồng bột, hạn chế chưa nhận thức hết được hậu quả về hành vi của mình gây ra. Gia đình bị cáo có 05 anh chị em nên bị cáo bỏ học sớm, phải lao động kiếm tiền.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình thực hiện hành vi, bị cáo không gây thiệt hại về tài sản, sức khoẻ cho bị hại. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo N là chưa thành niên. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi mà mình đã thực hiện. Bên cạnh đó, bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú. Bị cáo có bị cáo có ông nội là Trần Văn K có Giấy chứng nhận tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận công tác XYZ, thẻ thương binh của Nguyễn Văn N1 (ông ngoại của N; Đơn xin xác nhận không đề ngày, tháng, năm 2026 của UBND xã H TGVPL đề nghị HĐXX căn cứ vào chứng cứ tài liệu nêu trên để áp dụng cho bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó TGVPL đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 BLHS, khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đề nghị tuyên phạt bị cáo Trần Văn N mức án thấp nhất so với VKS đề nghị. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với bản bào chữa của TGVPL, bị cáo không tranh luật về tội danh và điều luật áp dụng mà đại diện VKSND khu

vực 6- Thanh Hoá đã truy tối đối với bị cáo. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N như đề nghị của TGVPL nêu trên, do tuổi trẻ bồng bột, nhận thức pháp luật còn rất hạn chế nên bị cáo không lường được hậu quả của hành vi phạm tội của mình đồng thời áp dụng cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa sai lầm, tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo cùng xin được sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; VKSND khu vực 6- Thanh Hoá, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại. Bị cáo, trợ giúp viên pháp lý, người đại diện hợp pháp của bị cáo N và đại diện VKS không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của bị hại trong quá trình điều tra đã đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng, thời gian, địa điểm thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cùng các tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ kèm theo đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 07/12/2025, tại khu vực bờ sông T thuộc tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa, Trần Văn N và Mai Quang A có hành vi sử dụng dao phay (vũ khí) kề vào cổ đe dọa ông Lê Đức T2 nhằm mục đích cướp chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ - đen - xám, BKS 36G1- 048.75 của ông Lê Đức T2 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị chiếc xe tại thời điểm bị xâm hại là 5.000.000 đồng. Chiếc xe đã thu hồi và trả lại cho ông T2.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn N và Mai Quang A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

[4] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng do lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang và gây dư lận xấu trong quần chúng nhân dân. Nên cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: HĐXX thấy đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ mang tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó, Trần Văn N là người khởi xướng và cùng thực hiện đánh lạc hướng của bị hại, sau khi bị hại bỏ lại xe và chìa khóa thì N lấy xe nổ máy chở Quang A thẩu thoát nên N có vai trò đầu vụ. Mai Quang A là người thực hành tích cực chuẩn bị dao, kề dao vào cổ bị hại có vai trò sau Nguyên. Hành vi nêu trên của Trần Văn N và Mai Quang A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân nên cần phải được xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên, xét bị cáo N là người giữ vai trò đầu vụ, Quang A là người thực hành tích cực nên khi lượng hình cần xử các bị cáo mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Nhân thân: Bị cáo Quang A: Ngày 19/3/2025 bị TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS. Ngày 05/10/2025 chấp hành xong án phạt tù; Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Mai Quang A đủ 16 tuổi dưới 18 tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật tư pháp người chưa thành niên, được coi là không có án tích.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ TNHS, đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên. HĐXX thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện VKS tại phiên toà là phù hợp. Tuy nhiên đối với bị cáo N khi thực hiện hành vi phạm tội mới 17 tuổi 01 tháng 27 ngày nên cần áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N là người dưới 18 tuổi, bị cáo Mai Quang A không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Đức T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[8] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu huỷ toàn bộ tang vật đã được bàn giao sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2026.

[9] Tại phiên toà TGVPL Lê Thị P cung cấp tài liệu cho HĐXX gồm Giấy chứng nhận tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh của Trần Văn K; Giấy chứng nhận công tác XYZ Trần Văn K (ông nội của N), thẻ thương binh của Nguyễn Văn N1 (ông ngoại của N) (tất cả đều là bản phô tô); Đơn xin xác nhận không đề ngày, tháng, năm 2026 của UBND xã H TGVPL đề nghị HĐXX căn cứ vào chứng cứ tài liệu nêu trên để áp dụng cho bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, HĐXX thấy, tất cả những tài liệu nêu trên đều là bản phô tô không có giá trị pháp lý. Đơn xin xác nhận đề ngày, tháng, năm 2026 chỉ có dấu đỏ không thể hiện việc xác nhận nội dung như đơn là đúng nên không chấp nhận yêu cầu này của TGVPL Lê Thị P.

[10] Các tình tiết khác có liên quan:

- Mai Quang A dùng dao có tính sát thương cao kề vào cổ ông Lê Đức T2 nhưng mục đích là đe dọa ông T2 để lấy được tài sản là chiếc xe nhưng không nhằm mục đích xâm phạm tính mạng và sức khỏe của ông T2 và thực tế ông T2 không bị thương tích gì nên hành vi sử dụng dao nêu trên của Quang A và N không cấu thành tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự.

- Tại thời điểm phạm tội, Trần Văn N tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Tư pháp người chưa thành niên, Trần Văn N thuộc trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

[11] Án phí HSST: Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 12,17, 50, 58, Điều 91, khoản 4 Điều 98, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;
- Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên (đối với N);
- Điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 21, Điều 23, khoản 1 mục I Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

2. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn N và Mai Quang A phạm tội " Cướp tài sản"

3. *Xử phạt:*

- Trần Văn N 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giữ 08/12/2025.

- Mai Quang A 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 08/12/2025.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 vật dài 40cm, không có kí hiệu, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 28cm, loại 1 lưỡi sắc, đầu bằng, chỗ rộng nhất của lưỡi 7,3cm, chỗ dày nhất của sống 2,1mm, phần tay cầm bằng gỗ màu vàng dài 12cm.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/02/2026 giữa Cơ quan Công an và Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn N và Mai Quang A mỗi bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Thị P1 vắng mặt bị hại ông Lê Đức T2.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/3/2026). Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 6;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *CQĐT công an tỉnh Thanh Hoá;*
- *CQ Thi hành án hình sự;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hoá;*
- *THA Dân sự tỉnh Thanh Hoá;*
- *Bị cáo;*
- *Người đại diện hợp pháp;*
- *Trợ giúp viên pháp lý;*
- *Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ